**THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

**VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)**

**từ ngày 21/4 - 20/5/2024**

**1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/ khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Nội dung thông báo** |
| 1 | G/SPS/N/TZA/358 | BVTV, CT | Tanzania | 17/5/2024 | Mật mía - Đặc điểm kỹ thuật TBS/AFDC 17 (2280) DTZS/ REV TZS 2225: 2018, ấn bản thứ hai | Dự thảo tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với mật mía được sử dụng làm nguyên liệu thô trong thực phẩm và các ngành công nghiệp khác như phục vụ ăn uống, nước giải khát và công nghiệp dược phẩm. |
| 2 | G/SPS/N/TZA/357 | CT, TY | Tanzania | 17/5/2024 | Bơ mật ong - Đặc điểm kỹ thuật TBS/ AFDC 17 (2279) DTZS:2024, , Ấn bản đầu tiên | Dự thảo tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bơ mật ong dành cho người tiêu dùng, không bao gồm bơ sữa mật ong (hỗn hợp mật ong và bơ sữa). |
| 3 | G/SPS/N/TZA/356 | BVTV, CT | Tanzania | 17/5/2024 | Gạo lật – Đặc điểm kỹ thuật DEAS 765/2024, | Dự thảo tiêu chuẩn quy định các yêu cầu và phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với gạo lật (Brown rice) của các giống được trồng từ loài *Oryza* spp., dùng làm thực phẩm cho người hoặc để chế biến thành gạo xay. Tiêu chuẩn cũng áp dụng cho gạo lật đồ. |
| 4 | G/SPS/N/EU/764 | CT | Liên minh châu Âu | 17/5/2024 | Dự thảo sửa đổi Quy định (EC) số 2073/2005 liên quan đến *Listeria monocytogenes*. | Với mục tiêu bảo vệ sức khỏe cộng đồng về việc đưa vào thị trường EU các loại thực phẩm ăn liền, trừ những thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và cho các mục đích y tế đặc biệt. Tài liệu kèm thông báo gồm bản dự thảo cập nhật tiêu chí an toàn thực phẩm đối với *Listeria monocytogenes* được quy định trong Quy định (EC) số 2073/2005 về chỉ tiêu vi sinh đối với thực phẩm.  Chỉ tiêu vi sinh sẽ được áp dụng nếu nhà sản xuất kinh doanh thực phẩm có thể chứng minh được với cơ quan có thẩm quyền rằng mức *L. monocytogenes* sẽ không vượt quá giới hạn 100 cfu/g trong suốt thời hạn sử dụng của thực phẩm. Nhà sản xuất có thể ấn định các giới hạn phải đủ thấp trong quá trình chế biến để đảm bảo rằng giới hạn 100 cfu/g không bị vượt quá trong thời hạn sử dụng của thực phẩm. |
| 5 | G/SPS/N/NZL/768 | BVTV | Niu Di-lân | 16/5/2024 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Hạt giống để gieo trồng (155.02.05). | Bộ các ngành Công nghiệp cơ bản (MPI) đề xuất những thay đổi sau đây đối với Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cho hạt giống để gieo trồng (155.02.05), cụ thể như sau:   1. Thêm lựa chọn đối với hạt giống đến từ vùng không có dịch hại theo ISPM 8; 2. Thay đổi các yêu cầu trong mục 33, Phần 2 của Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu. Phụ lục bao gồm: *Acrocomia, Agropyron, Arachis hypogaea, Avena, Beta, Camellia sinensis, Cannabis sativa, Capsicum, Cicer, Cocos, Coriandrum, Corypha, Cuminum, Elaeis, Glebionis, Glycine, Hordeum, Lavandula, Livistona, Medicago, Petunia, Phaseolus, Phoenix, Pisum, Sesamum, Solanum, Solanum lycopersicum, Cao lương, Trigonella foenum-graecum, Triticum, Vicia* và *Zea*; 3. Thay đổi cách diễn đạt trong khai báo bổ sung về dịch hại từ “not known to occur” thành “the seeds are produced in an area where [pest] is absent”; 4. Thay đổi các yêu cầu trong mục 18, Phần 2 của Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu. Các phụ lục bao gồm *Capsicum, Carpinus, Carya, Castanea, Citrus, Cucumis, Cucurbitaceae, Desmodium, Eriobotryia, Helianthus, Juglans, Lens, Lithocarpus densiflorus, Medicago, Nicotiana tabacum, Quercus, Ulmus* và *Vigna*; 5. Thay đổi yêu cầu nhập khẩu hạt giống có nguồn gốc Niu Di-lân tại mục 1.7 của Tiêu chuẩn; 6. Loại bỏ các loài gây hại sau đây trong Phần 2 của Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu:   • *Claviceps gigantea* và *Cochliobolus tuberculatus* trong Mục *Zea*;  • *Cochliobolus miyabeanus* trong mục *Phaseolus*; • High plains virus trong mục *Avena, Hordeum* và *Triticum;*  • *Curvularia verruculosa* trong mục *Triticum*; • Grapevine yellow speckle viroid 2 từ phụ lục *Vitis*; 7. Bổ sung việc kiểm tra hạt giống (từ nước ngoài hoặc khi mới đến Niu Di-lân) không bắt buộc cho biện pháp kiểm dịch thực vật trong Phần 2 của Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu, đối với:  • *Xanthomonas campestris* pv. *undulosa* trong mục *Avena, Hordeum và Triticum*;  • *Pseudomonas syringae* pv. *striafaciens* trong mục *Hordeum*;  • *Rathayibacter tritici* trong mục *Hordeum* và *Triticum*; • *Xanthomonas campestris* pv. *sesami* trong mục *Sesamum*;  • *Curtobacter flaccumfaciens* pv. *flaccumfaciens* và *Xanthomonas campestris* pv. *vignicola* trong mục *Vigna*; 8. Tăng cỡ mẫu khảo nghiệm hạt *Arachis hypogaea Ralstonia pseudosolanacearum* từ 400 hạt lên 4.000 hạt; 9. Bổ sung yêu cầu khảo nghiệm Tomato black ring virus với hạt *Rubus* và *Vitis*;  10. Danh sách *Rumex sanguineus* đủ điều kiện nhập khẩu vào Niu Di-lân theo các yêu cầu nhập khẩu cơ bản;  11. Bỏ yêu cầu người nhập khẩu khai báo lô hàng hạt giống không thuộc các giống *Beta Vulgaris* var. *rapacea*: Kyros: 16UB128, Bangor 16UB126, Bangor 15UB079, Bangor 16UB114, |
| 6 | G/SPS/N/THA/559/Rev.1 | BVTV | Thái Lan | 16/5/2024 | Dự thảo thông báo của Bộ Nông nghiệp về việc: điều kiện nhập khẩu hạt giống cần sa và cây gai dầu | Bộ Nông nghiệp (DOA) đề xuất sửa đổi thông báo về các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với hạt giống cần sa và cây gai dầu (*Cannabis sativa*) để gieo trồng từ các quốc gia như sau:   1. Điều kiện nhập khẩu cần sa và hạt gai dầu B.E. 2565 (2022), ngày 10/10/2022, được bãi bỏ và thay thế bằng dự thảo thông báo của DOA;   2) Các lô hạt giống cần sa và cây gai dầu phải đáp ứng một trong các điều kiện nhập khẩu kiểm dịch thực vật sau đây và/hoặc cả hai điều kiện đối với từng loài trong số 13 loài gây hại, bao gồm *Pseudomonas syringae pv. cannabina, Xanthomonas campestris pv. cannabis, Ditylenchus dipsaci, Arabis mosaic virus, Alfalfa mosaic virus, Hop latent viroid, Orobanche ramosa, Cuscuta europaea, Cuscuta entagona, Striga angustifolia, Striga aspera, Striga densiflora* và *Striga hermonthica*.  Cần sa và hạt cây gai dầu được sản xuất ở một quốc gia nơi không có các loài gây hại;  Hoặc Cần sa và hạt cây gai dầu đã được thử nghiệm và không có dịch hại |
| 7 | G/SPS/N/THA/289/Rev.1 | BVTV | Thái Lan | 16/5/2024 | Dự thảo thông báo của Bộ Nông nghiệp về điều kiện nhập khẩu giống ngô | Bộ Nông nghiệp (DOA) đề xuất sửa đổi thông báo DOA về các yêu cầu nhập khẩu kiểm dịch thực vật đối với hạt giống ngô (*Zea mays*) để gieo từ các quốc gia như sau:   1. Điều kiện nhập khẩu giống ngô B.E. 2563 (2020), ngày 30/11/2020 và Thông báo của Bộ Nông nghiệp về điều kiện nhập khẩu giống ngô (số 2) B.E. 2564 (2021), ngày 5/3/2021, được bãi bỏ và thay thế bằng dự thảo thông báo DOA này; 2. Các lô giống ngô phải đáp ứng một trong các điều kiện nhập khẩu kiểm dịch thực vật sau đây và/hoặc cả hai điều kiện liên quan đến từng loài trong số 12 mốt loài gây hại là *Clavibacter nebraskensis, Pantoea stewartii subsp. stewartii, Pseudomonas syringae pv. lapsa, Pseudomonas syringae pv. syringae, Xanthomonas vasicola pv. vasculorum, High plains virus, Wheat streak mosaic virus, Bipolaris maydis race T, Fusarium culmorum, Harpophora maydis, Peronosclerospora heteropogoni, Peronosclerospora philippinensis, Sclerophthora macrospora, Sclerophthora rayssiae var. zeae, Sclerospora graminicola, Sporisorium reilianum, Stenocarpella macrospora, Striga angustifolia, Striga aspera, Striga densiflora* và *Striga hermonthica*;   Hạt giống ngô được sản xuất ở một quốc gia nơi không có các loài gây hại;  Hoặc Hạt giống ngô từ cây mẹ đã được kiểm tra và thử nghiệm trong mùa sinh trưởng và không có sâu bệnh;  Hoặc Hạt giống ngô đã được chính thức thử nghiệm và được xác định không có sâu bệnh.  Hạt ngô phải được xử lý bằng thuốc diệt nấm thích hợp, thông tin về xử lý thuốc diệt nấm (tên thông thường của thuốc diệt nấm và phần trăm hoạt chất) phải được ghi rõ trong giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật để xuất khẩu; 4) Trong trường hợp nhập khẩu giống ngô từ Liên bang Myanmar phải tuân thủ các điều kiện bổ sung theo Phụ lục 2 của thông báo này. Hạt giống ngô đã được chính thức thử nghiệm và xác định không có sâu bệnh. |
| 8 | G/SPS/N/THA/288/Rev.1 | BVTV | Thái Lan | 16/5/2024 | Dự thảo thông báo của Bộ Nông nghiệp về điều kiện nhập khẩu giống cà chua | Bộ Nông nghiệp (DOA) đề xuất sửa đổi thông báo của DOA về các yêu cầu nhập khẩu kiểm dịch thực vật đối với hạt giống cà chua (*Solanum lycopersicum*) để gieo từ các quốc gia như sau:   1. Điều kiện nhập khẩu giống cà chua B.E. 2563 (2020), ngày 30/11/2020, được bãi bỏ và thay thế bằng dự thảo thông báo này; 2. Các lô giống cà chua phải đáp ứng một trong các điều kiện nhập khẩu kiểm dịch thực vật sau đây và/hoặc cả hai điều kiện liên quan đến một trong số chín loài gây hại kiểm dịch, bao gồm *Clavibacter michiganensis, Pepino mosaic virus, Tomato brown rugose fruit virus, Tomato mottle mosaic virus, Potato spindle tuber viroid, Tomato apical stunt viroid, Tomato chlorotic dwarf viroid, Tomato planta macho viroid* và *Columnea latent viroid*.   Hạt giống cà chua được sản xuất ở một quốc gia nơi không có các loài gây hại  Hoặc Hạt giống cà chua đã được thử nghiệm chính thức bằng phương pháp phản ứng chuỗi polymerase (PCR) hoặc Realtime PCR trên kích thước mẫu không ít hơn 3.000 hạt được lấy mẫu từ một lô hàng, hoặc trong trường hợp lô hạt nhỏ, tỷ lệ lấy mẫu không ít hơn 10% trọng lượng và không bị nhiễm dịch hại. |
| 9 | G/SPS/N/THA/287/Rev.1 | BVTV | Thái Lan | 16/5/2024 | Dự thảo thông báo của Bộ Nông nghiệp về điều kiện nhập khẩu giống cà tím | Bộ Nông nghiệp (DOA) đề xuất sửa đổi thông báo DOA về các yêu cầu nhập khẩu kiểm dịch thực vật của hạt giống cà tím (*Solanum melongena*) để gieo trồng từ các quốc gia như sau:   1. Điều kiện nhập khẩu giống cà tím B.E. 2563 (2020), ngày 30/11/2020, được bãi bỏ và thay thế bằng dự thảo thông báo này; 2. Các lô giống cà tím phải đáp ứng một trong các điều kiện nhập khẩu kiểm dịch thực vật sau đây và/hoặc cả hai điều kiện liên quan đến một trong số năm loài gây hại kiểm dịch là *Clavibacter michiganensis, Pepino mosaic virus, Potato spindle tuber viroid, Tomato chlorotic dwarf viroid* và *Columnea latent viroid*;   Hoặc Hạt cà tím đã được thử nghiệm chính thức bằng phương pháp phản ứng chuỗi polymerase (PCR) hoặc Realtime PCR trên kích thước mẫu không dưới 3.000 hạt được lấy từ một mẫu lô, hoặc trong trường hợp lô hạt nhỏ, tỷ lệ lấy mẫu không ít hơn 10% trọng lượng và không bị nhiễm dịch hại. |
| 10 | G/SPS/N/THA/286/Rev.1 | BVTV | Thái Lan | 16/5/2024 | Dự thảo thông báo của Bộ Nông nghiệp về điều kiện nhập khẩu hạt ớt | Bộ Nông nghiệp (DOA) đề xuất sửa đổi thông báo DOA về các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với hạt ớt Capsicum (C*. annuum, C. baccatum, C. chinense, C. frutescens, C. pubescens*) để gieo trồng từ các quốc gia như sau :   1. Điều kiện nhập khẩu hạt ớt B.E. 2563 (2020), ngày 30/11/2020, được bãi bỏ và thay thế bằng dự thảo thông báo này; 2. Các lô hạt giống ớt cần phải đáp ứng một trong các điều kiện kiểm dịch thực vật sau đây và/hoặc kết hợp hai điều kiện đối với từng loại dịch hại trong số 5 loại dịch hại kiểm dịch, ví dụ: *Clavibacter michiganensis, Tomato brown rugose fruit virus, Tomato mottle mosaic virus, Columnea latent viroid* và *Potato spindle tuber viroid.*   Hạt ớt được sản xuất ở quốc gia nơi không có các loài gây hại;  Hoặc  Hạt ớt được kiểm nghiệm chính thức bằng phương pháp phản ứng chuỗi polymerase (PCR) hoặc Real time PCR trên cỡ mẫu không dưới 3.000 hạt được lấy mẫu từ một lô hàng, hoặc trong trường hợp lô hạt nhỏ, tỷ lệ lấy mẫu không ít hơn 10% trọng lượng và không bị nhiễm dịch hại. |
| 11 | G/SPS/N/USA/3453 | ATTP, BVTV | Hòa Kỳ | 14/5/2024 | Đơn kiến nghị về thuốc bảo vệ thực vật đối với dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau. Thông báo về việc nộp kiến nghị và đề nghị góp ý | Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ thông báo về việc đã nhận được hồ sơ kiến nghị về thuốc bảo vệ thực vật, yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với nhiều mặt hàng. |
| 12 | G/SPS/N/BRA/2202/Add.2/Corr.2 | BVTV | Bra-xin | 14/5/2024 | Thu hồi Sắc lệnh SDA/MAPA Số 1.034 ngày 20 tháng 3 năm 2024 | Sắc lệnh SDA/MAPA số 1.034 ngày 20/3/2024 đã bị thu hồi và thay thế bằng sắc lệnh mới: "Sắc lệnh SDA/MAPA số 1.100 ngày 10/4/2024 - Cập nhật các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt thuộc chi *Dianthus*".  Thông báo G/SPS/N/BRA/2202/Add.1 vẫn có hiệu lực và không có thay đổi về các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống từ *Dianthus* spp. |
| 13 | G/SPS/N/KHM/1 | BVTV | Campuchia | 14/5/2024 | Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật. | Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ban hành ngày 3/5/2022 gồm 113 điều và 44 định nghĩa, được chia thành 15 chương. Mục tiêu của Luật này là để quản lý sức khỏe thực vật đối với tất cả các loại thực vật; thúc đẩy năng suất nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực, duy trì chất lượng và an toàn của sản phẩm nông nghiệp. Luật cũng tập trung vào an toàn kiểm dịch thực vật, tạo thuận lợi cho thương mại và vận chuyển thực vật và sản phẩm thực vật. Ngoài ra, Luật cũng nhằm mục đích góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao phúc lợi và sức khỏe cộng đồng, đồng thời đảm bảo tính bền vững của tài nguyên thiên nhiên và hệ thống sinh thái nông nghiệp ở Campuchia.  Luật Bảo vệ và Kiểm dịch Thực vật phản ánh cam kết cao của Campuchia trong việc hài hòa các quy định kiểm dịch thực vật với các tiêu chuẩn quốc tế. |
| 14 | G/SPS/N/BDI/106, G/SPS/N/KEN/282 G/SPS/N/RWA/99, G/SPS/N/TZA/355 G/SPS/N/UGA/333 | BVTV | Các quốc gia Đông Phi | 13/5/2024 | Hạt lạc – Yêu cầu chứng nhận DEAS 825: 2024, ấn bản thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu chứng nhận để sản xuất hạt lạc tiền cơ bản, cơ bản và được chứng nhận (*Arachis hypogaea* L.). Các yêu cầu chứng nhận bao gồm yêu cầu đối với giống đủ điều kiện, tiêu chuẩn đồng ruộng, kiểm tra thực địa, lấy mẫu hạt giống, tiêu chuẩn phòng thí nghiệm, giấy chứng nhận, đóng gói, ghi nhãn và sau kiểm soát kiểm thử. |
| 15 | G/SPS/N/EU/763 | TY, ATTP, BVTV | Liên minh châu Âu | 08/5/2024 | Dự thảo sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với thiacloprid trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định | Dự thảo đề xuất mức dư lượng tối đa đối với thiacloprid trong một số mặt hàng thực phẩm sau khi hoạt chất thiacloprid không được phê duyệt ở Liên minh châu Âu. Bản Dự thảo đề xuất tạm thời giảm tất cả mức dư lượng tối đa đối với thiacloprid đến giới hạn xác định, đảm bảo các biện pháp phòng ngừa nhằm bảo vệ người tiêu dùng dựa trên các dấu hiệu cho thấy chất này có thể là chất gây rối loạn nội tiết.  Cụ thể mức điều chỉnh mức dư lượng tối đa đối với:  Nhóm rau quả: 0,01-0,02 ppm;  Nhóm cà phê, ca cao, gia vị, hạt tiêu…: 0,05 ppm  Trong một số sản phẩm thịt: 0,05 ppm  Mật ong: 0,05 ppm  *\* Tại Việt Nam, hoạt chất thiacloprid được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 04 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).* |
| 16 | G/SPS/N/EU/762 | TY, ATTP, BVTV | Liên minh châu Âu | 08/5/2024 | Dự thảo sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với isopyrazam trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định | Dự thảo xem xét và cập nhật MRL hiện có đối với isopyrazam trong một số mặt hàng thực phẩm. MRL của các chất này trong một số mặt hàng nhất định được hạ xuống hoặc nâng lên. MRL mới được thiết lập sau khi loại bỏ các mục đích sử dụng do việc phê duyệt sử dụng hoạt chất này đã bị rút lại theo Quy định của Ủy ban (EU) 2022/782.  Dự thảo đề xuất mức dư lượng tối đa:  Điều chỉnh mức cũ **0,01 ppm tăng lên 0,05 ppm** cho nhóm cà phê, ca cao, gia vị, hạt tiêu.v.v  Và một số nhóm được giữ nguyên hoặc điều chỉnh giảm như quả táo mức cũ **0,7 ppm được điều chỉnh giảm ở mức 0,4 ppm.**  *\* Tại Việt Nam, hoạt chất isopyrazam được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 02 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).* |
| 17 | G/SPS/N/BRA/2301 | ATTP | Bra-xin | 08/5/2024 | Dự thảo Nghị quyết 1251, ngày 02/5/2024 | Dự thảo nghị quyết đề xuất đưa hoạt chất E34 - spidoxamate vào Danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất của thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin |
| 18 | G/SPS/N/JPN/1263 | ATTP | Nhật Bản | 08/5/2024 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn  thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. | Sửa đổi các thông số kỹ thuật cho nhựa tổng hợp được sử dụng cho dụng cụ, thùng chứa và bao bì (ACP). |
| 19 | G/SPS/N/USA/3452 | ATTP | Hòa Kỳ | 07/5/2024 | Đề nghị sửa đổi các quy định về phụ gia thực phẩm, loại bỏ sự cấp phép polyethylene fluorinated làm phụ gia thực phẩm | Ngày 17/4/2024 Quỹ Bảo vệ Môi trường và một số cơ quan khác đã nộp đơn đề xuất loại bỏ polyetylen fluoride làm phụ gia thực phẩm.  Đơn kiến nghị cho rằng polyetylen fluoride được sản xuất theo § 177.1615 có thể tạo ra các chất alkyl poly-fluorinated perand và có thể di chuyển vào thực phẩm, do đó không an toàn theo mục 409(c)(5) của Đạo luật FD&C ( 21 USC 348(c)(5)) |
| 20 | G/SPS/N/USA/3451 | BVTV | Hòa Kỳ | 07/5/2024 | Dự thảo sửa đổi mức tồn dư flonicamit trong một số loại hàng hóa nông sản | Dự thảo sửa đổi mức dung sai tồn dư flonicamid đối với hàng nông sản thô, quả mọng, cây mọc thấp so với mặt đất, phân nhóm 13-07G được điều chỉnh tăng mức dung sai tồn dư từ 1,5 ppm lên 2 ppm.  *\* Tại Việt Nam, hoạt chất flonicamid được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 04 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).* |
| 21 | G/SPS/N/KOR/800 | CN, TY | Hàn Quốc | 07/5/2024 | Đề xuất sửa đổi các tiêu chí trong việc thực hiện thủ tục đánh giá vệ sinh nhập khẩu đối với các sản phẩm chăn nuôi. | Sửa đổi tiêu đề của các quy tắc và điều chỉnh các điều khoản quy định thủ tục đánh giá vệ sinh nhập khẩu các sản phẩm động vật theo Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu.  Tiêu đề "Tiêu chí thực hiện quy trình đánh giá vệ sinh nhập khẩu đối với sản phẩm chăn nuôi", được thay thế bằng "Tiêu chí thực hiện quy trình đánh giá vệ sinh nhập khẩu đối với sản phẩm chăn nuôi và sản phẩm động vật". |
| 22 | G/SPS/N/KOR/799 | CN, TY | Hàn Quốc | 07/5/2024 | Đề xuất sửa đổi đối với các quốc gia (khu vực) được phép nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi và yêu cầu vệ sinh nhập khẩu | Sửa đổi tiêu đề của Thông báo MFDS liên quan, làm rõ đối tượng đánh giá và chuẩn bị các yêu cầu vệ sinh nhập khẩu đối với sản phẩm động vật theo Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu:  Tiêu đề của Thông báo MFDS, “Các quốc gia (khu vực) được phép nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi và yêu cầu vệ sinh nhập khẩu”, được thay thế bằng “Các quốc gia (khu vực) được phép nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi và sản phẩm động vật và yêu cầu vệ sinh nhập khẩu”;  Bổ sung yêu cầu tuân thủ vệ sinh nhập khẩu bao gồm cả cơ quan có thẩm quyền và cơ sở xuất khẩu sản phẩm động vật sang Hàn Quốc. |
| 23 | G/SPS/N/KEN/281 | ATTP, BVTV | Kenya | 06/5/2024 | Hạt hạnh nhân – Chi tiết kỹ thuật KS 2991:2023 | Dự thảo Tiêu chuẩn của Kenya quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hạt hạnh nhân sống đã bóc vỏ, rang, chần và chiên từ quả hạnh nhân (*Amygdalus communis* L.) dùng làm thực phẩm cho con người. |
| 24 | G/SPS/N/BDI/105 G/SPS/N/KEN/280 G/SPS/N/RWA/98 G/SPS/N/TZA/354 G/SPS/N/UGA/332 | BVTV | Các quốc gia Đông Phi | 06/5/2024 | Hạt ngô — Yêu cầu chứng nhận DEAS 821:2024, ấn bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu chứng nhận đối với việc sản xuất hạt giống ngô tiền cơ bản, cơ bản và được chứng nhận giống ngô (*Zea mays* L.). Bao gồm các yêu cầu đối với giống đủ điều kiện, tiêu chuẩn hiện trường, kiểm tra thực địa, lấy mẫu hạt giống, tiêu chuẩn phòng thí nghiệm, giấy chứng nhận, đóng gói, ghi nhãn và sau kiểm soát kiểm thử. |
| 25 | G/SPS/N/BDI/104 G/SPS/N/KEN/279 G/SPS/N/RWA/97 G/SPS/N/TZA/353 G/SPS/N/UGA/331 | BVTV | Các quốc gia Đông Phi | 06/5/2024 | Hạt giống lúa miến – Yêu cầu chứng nhận DEAS 822:2024, ấn bản thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu chứng nhận đối với việc sản xuất hạt giống lúa miến tiền cơ bản, cơ bản và được chứng nhận từ giống (*Sorghum bicolor* (L.) Moench). Bao gồm các yêu cầu đối với giống đủ điều kiện, tiêu chuẩn hiện trường, kiểm tra đồng ruộng, lấy mẫu hạt giống, tiêu chuẩn phòng thí nghiệm, giấy chứng nhận, đóng gói, ghi nhãn và sau kiểm soát kiểm thử. |
| 26 | G/SPS/N/BDI/101 G/SPS/N/KEN/276 G/SPS/N/RWA/94 G/SPS/N/TZA/350 G/SPS/N/UGA/328 | ATTP, BVTV, CT | Các quốc gia Đông Phi | 06/5/2024 | Hạt ngô — Đặc điểm kỹ thuật DEAS 2:2024, ấn bản thứ năm | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hạt ngô của các giống được trồng từ hạt ngô thông thường, *Zea mays indentata* L. và/hoặc *Zea mays indurata* L., *Zea mays everta* hoặc các giống lai cùng giống dùng làm thực phẩm cho người. |
| 27 | G/SPS/N/BDI/100 G/SPS/N/KEN/275 G/SPS/N/RWA/93 G/SPS/N/TZA/349 G/SPS/N/UGA/327 | ATTP, CT, BVTV | Các quốc gia Đông Phi | 06/5/2024 | Sản phẩm ngô xay — Đặc điểm kỹ thuật DEAS 44: 2024, ấn bản thứ sáu | Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột ngô nguyên hạt, bột ngô sàng, bột ngô và bột ngô từ hạt ngô thông thường (*Zea mays* L.) dành cho người tiêu dùng. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các sản phẩm ngô (ngô xay) tăng cường và bột ngô dùng để ủ bia, sản xuất tinh bột và bất kỳ mục đích sử dụng công nghiệp nào khác. |
| 28 | G/SPS/N/BDI/99 G/SPS/N/KEN/274 G/SPS/N/RWA/92 G/SPS/N/TZA/348 G/SPS/N/UGA/326 | ATTP, BVTV, CT | Các quốc gia Đông Phi | 06/5/2024 | DEAS 282:2024, Lua mì và tấm lõi lúa mì cứng - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai | Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với tấm lõi mì được chế biến từ hỗn hợp lúa mì thông thường (*Triticum aestivum* L.) hoặc lúa mì club “club wheat” (*Triticum compacturm Host*) hoặc hỗn hợp của các loại lúa mì này kết hợp với lúa mì cứng (*Triticum durm* *desf*) và tấm lõi lúa mì cứng từ lúa mì cứng (*Triticum durum desf*) dùng cho người. Dự thảo Tiêu chuẩn này không áp dụng cho lúa mì và mì cứng dùng làm thức ăn chăn nuôi hoặc phi thực phẩm. |
| 29 | G/SPS/N/BDI/98 G/SPS/N/KEN/273 G/SPS/N/RWA/91 G/SPS/N/TZA/347 G/SPS/N/UGA/325 | ATTP, BVTV, CT | Các quốc gia Đông Phi | 06/5/2024 | Đậu gà — Đặc điểm kỹ thuật DEAS 754:2024, ấn bản thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với đậu xanh khô thuộc các giống được trồng từ *Cicer arietinum Linn*, dành cho con người tiêu dùng. |
| 30 | G/SPS/N/BDI/97 G/SPS/N/KEN/272 G/SPS/N/RWA/90 G/SPS/N/TZA/346 G/SPS/N/UGA/324 | ATTP, BVTV, TY | Các quốc gia Đông Phi | 06/5/2024 | Đậu nành khô - Đặc điểm kỹ thuật DEAS 762: 2024, ấn bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với đậu nành khô thuộc các giống được trồng từ *Glycine max* (L.) Merr, dành cho con người tiêu dùng. |
| 31 | G/SPS/N/BDI/96 G/SPS/N/KEN/271 G/SPS/N/RWA/89 G/SPS/N/TZA/345 G/SPS/N/UGA/323 | CT | Các quốc gia Đông Phi | 06/5/2024 | Gạo lật — Đặc điểm kỹ thuật DEAS 765:2024, ấn bản thứ hai | Dự thảo tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu và phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm gạo lật của các giống được trồng từ loài *Oryza* spp., dùng làm thực phẩm cho người hoặc để chế biến thành gạo trắng. Tiêu chuẩn này cũng áp dụng cho gạo lật đồ. |
| 32 | G/SPS/N/BDI/95 G/SPS/N/KEN/270 G/SPS/N/RWA/88 G/SPS/N/TZA/344 G/SPS/N/UGA/322 | TY | Các quốc gia Đông Phi | 06/5/2024 | Hạt đậu nành – Yêu cầu chứng nhận DEAS 824:2024, ấn bản thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu chứng nhận để sản xuất hạt giống đậu nành tiền cơ bản, cơ bản và được chứng nhận (*Glycine max* (L.) Merrill). Bao gồm các yêu cầu đối với giống đủ điều kiện, tiêu chuẩn cơ bản, kiểm tra thực tế, lấy mẫu hạt giống, tiêu chuẩn phòng thí nghiệm, giấy chứng nhận, đóng gói, ghi nhãn và sau kiểm soát kiểm thử. |
| 33 | G/SPS/N/BDI/94 G/SPS/N/KEN/269 G/SPS/N/RWA/87 G/SPS/N/TZA/343 G/SPS/N/UGA/321 | BVTV | Các quốc gia Đông Phi | 06/5/2024 | Hạt hướng dương — Yêu cầu chứng nhận DEAS 823:2024, ấn bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu chứng nhận để sản xuất hạt giống hướng dương tiền cơ bản, cơ bản và được chứng nhận (*Helianthus annuu*s L.). Nó bao gồm các yêu cầu đối với giống đủ điều kiện, tiêu chuẩn hiện trường, kiểm tra thực địa, lấy mẫu hạt giống, tiêu chuẩn phòng thí nghiệm, giấy chứng nhận, đóng gói, ghi nhãn và sau kiểm soát kiểm thử. |
| 34 | G/SPS/N/LKA/46 | ATTP, CLCB, CT, CN, TY | Sri Lanka | 03/5/2024 | Dự thảo Quy định về kiểm soát xuất nhập khẩu (Tiêu chuẩn hóa và kiểm soát chất lượng) 2024 | Yêu cầu bắt buộc đối với nhà nhập khẩu phải tuân thủ các tiêu chuẩn của Cơ quan Tiêu chuẩn Sri Lanka (SLSI) liên quan đến việc nhập khẩu các mặt hàng thực phẩm quy định tại Mã số 1 đến Mã 48 của Cột 111 của Phụ lục I(A) và các số từ 128 đến 131 Cột 111 Phụ lục I(B). |
| 35 | G/SPS/N/KOR/622 /Add.5 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Hàn Quốc | 03/5/2024 | Bổ sung vật chủ bị cấm của *Xylella fastidiosa* | Dựa trên kết quả của phân tích nguy cơ dịch hại (PRA). Cơ quan Kiểm dịch Động vật và Thực vật (APQA), Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn (MAFRA) Hàn Quốc sửa đổi vật chủ của *Xylella fastidiosa* là một trong những loài gây hại bị cấm của Hàn Quốc.  APQA thông báo bổ sung 1 chi và 15 loài vào danh sách thực vật ký chủ (thực vật bị cấm nhập khẩu) và loại bỏ 1 loài (*Lonicera japonica*) khỏi danh sách thực vật ký chủ (thực vật bị cấm nhập khẩu) từ tháng 7/2024. |
| 36 | G/SPS/N/KOR/212 /Add.20 | BVTV, TY,CN | Hàn Quốc | 03/5/2024 | Sửa đổi danh mục dịch hại kiểm dịch | Cơ quan Kiểm dịch Động vật và Thực vật (APQA), Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn (MAFRA) Hàn Quốc sửa đổi danh sách dịch hại kiểm dịch dựa trên kết quả phân tích rủi ro dịch hại (PRA) và phù hợp với theo quy định tại Điều 4 và Điều 6 Luật Bảo vệ thực vật.  APQA thông báo sửa đổi danh sách dịch hại kiểm dịch như sau từ tháng 7/2024:  + Bổ sung 41 loài vào danh mục đối tượng kiểm dịch;  + Loại bỏ 10 loài khỏi danh mục đối tượng kiểm dịch;  + Loại *Anisandrus pyri* khỏi danh mục đối tượng kiểm dịch do đã xác nhận được tên đồng nghĩa của *Xyleborus dispar*;  + Thay đổi tên khoa học của 1 loài đối tượng kiểm dịch. |
| 37 | G/SPS/N/EU/761 | ATTP. BVTV,CT, CLCB, CN, TY | Liên minh châu Âu | 03/5/2024 | Dự thảo sửa đổi Phụ lục I của Quy định (EC) số 1334/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến việc loại bỏ chất tạo hương liệu Benzen-1,2-diol (FL số 04.029) khỏi danh sách tổng hợp của liên minh châu Âu | Loại bỏ chất tạo hương liệu Benzen-1,2-diol (FL số 04.029) khỏi danh sách các hương liệu và nguyên liệu được sử dụng đối với thực phẩm của Liên minh châu Âu.  Ngày 28/9/2023, Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) đã thông qua ý kiến về việc gia hạn giấy phép đối với Zesti Smoke code 10 (SF‐002), Smoke Concentrate 809045 (SF‐003), SmokEz C‐10 (SF‐005) và SmokEz Enviro‐23 (SF‐006) là sản phẩm chính tạo hương liệu khói. Các sản phẩm chính tạo hương khói có chứa Benzen-1,2-diol (FL số 04.029) đã được xác định có mối nguy về độc tính di truyền. Vì lý do này, việc loại bỏ Benzene-1,2-diol (FL số 04.029) khỏi danh sách hương liệu của Liên minh là phù hợp.  Để tạo thuận lợi trong quá trình chuyển đổi, văn bản quy định: các loại thực phẩm, bao gồm cả thực phẩm nhập khẩu vào Liên minh, có chứa Benzen-1,2-diol (FL số 04.029) và được đưa ra thị trường hoặc được gửi từ nước thứ ba trước khi Quy định có hiệu lực có thể tiếp tục được lưu hành trên thị trường cho đến ngày hết hạn sử dụng. |
| 38 | G/SPS/N/EU/760 | ATTP, BVTV, CLCB, TY, CN | Liên minh châu Âu | 03/5/2024 | Dự thảo sửa đổi Quy định thực hiện (EU) số 1321/2013 liên quan đến việc xóa các mục SF-001 đến SF-010 khỏi danh sách các sản phẩm chính tạo hương liệu khói được cấp phép của Liên minh châu Âu | Dự thảo loại bỏ các sản phẩm chính tạo hương liệu khói khỏi danh sách được ủy quyền của Liên minh châu Âu.  Ngày 28/9/2023, Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (EFSA) căn cứ ý kiến khoa học về độ an toàn của các sản phẩm chính tạo hương liệu khói, gồm: SF-001, SF-002, SF-003, SF-004, SF-005, SF-006, SF-008 và SF-009, sẽ không cấp phép gia hạn đối với các sản phẩm SF-007 và SF-010.  Việc sử dụng hương liệu khói trong thực phẩm chỉ được phép nếu được chứng minh không gây nguy hiểm cho con người. Vì vậy, việc gia hạn cấp phép cho các sản phẩm: SF-001, SF-002, SF-003, SF-004, SF-005, SF-006, SF-008 và SF-009 sẽ bị từ chối nếu không đủ cơ sở khoa học chứng minh không gây nguy hiểm cho con người.  Do không có sản phẩm nào trong số mười sản phẩm được liệt kê trong danh sách các sản phẩm chính tạo hương liệu khói của Liên minh châu Âu được cấp phép, nên Liên minh sẽ hủy bỏ các tham chiếu có liên quan tại Phụ lục Quy định của Ủy ban (EU) số 1321/2013.  Để cho phép quá trình chuyển đổi thuận lợi, thực phẩm có chứa hương liệu khói SF-001, SF-002, SF-003, SF-004, SF-005, SF-006, SF-008 hoặc SF- 009 có thể tiếp tục được đưa ra thị trường và duy trì trên thị trường cho đến hạn sử dụng tối thiểu hoặc thời hạn sử dụng nếu chúng được đưa ra thị trường cho đến:   1. Ngày 01/7/2029 đối với các loại thực phẩm 1.7 (pho mát và các sản phẩm pho mát), 8 (thịt), 9.2 (cá và các sản phẩm thủy sản đã qua chế biến bao gồm động vật giáp xác và động vật thân mềm), 9.3 (trứng cá) và các danh mục phụ tương ứng   Ngày 01/7/2026 đối với tất cả danh mục thực phẩm khác. |
| 39 | G/SPS/N/BRA/1567 /Add.4 | BVTV, CT, CLCB, CN, TY | Bra-xin | 03/5/2024 | Dự thảo Hướng dẫn quy chuẩn số 708, ngày 13 tháng 9 năm 2019, về các yêu cầu kỹ thuật đối với công bố ghi nhãn dinh dưỡng đối với thực phẩm đóng gói | Hướng dẫn quy chuẩn số 75, ngày 8/10/2020 được thông báo trong G/SPS/N/BRA/1567/Add.2, thiết lập các yêu cầu kỹ thuật đối với trình bày ghi nhãn dinh dưỡng cho thực phẩm đóng gói. |
| 40 | G/SPS/N/EU/759 | ATTP, BVTV | Liên minh châu Âu | 02/5/2024 | Dự thảo sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2019/2072 liên quan đến việc liệt kê các loài gây hại và các quy định về việc nhập khẩu và di chuyển thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể khác trong lãnh thổ Liên minh châu ÂU. | Quy định số 2019/2072 bao gồm danh sách các loài gây hại của Liên minh châu Âu bao gồm các loài gây hại thuộc đối tượng kiểm dịch và không thuộc diện kiểm dịch (RNQP). Hơn nữa, Quy định còn đưa ra các yêu cầu về kiểm dịch thực vật nhập khẩu và di chuyển nội bộ đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể khác có thể gây rủi ro cho Liên minh Châu Âu.  Dự thảo sửa đổi Quy định số 2019/2072:  • Bổ sung các loài dịch hại mới vào danh mục dịch hại của Liên minh châu Âu bao gồm: (*Neoceraitis asiatica* (Becker), *Neoceraitis cyanescens* (Bezzi) và *Neotephritis Finalis* (Loew), *Virus Rose Rosette, Phyllocoptes fructiphilus* (Germar));  • Bãi bỏ quy định đối với các loài gây hại của Liên minh châu Âu, gồm: (*Melampsora medusae* f. sp. *tremuloidis, Ripersiella hibisci* Kawai và Takagi, Tomato ringspot virus, Sweet potato chlorotic stunt virus và Sweet potato mild mottle virus);  • Thay đổi tên khoa học của đối tượng kiểm dịch;  • Bổ sung các loài gây hại mới vào danh sách RNQP (*Pucciniastrum minimum* (Schweinitz), Tobacco ringspot virus và Tomato ringspot virus);  • Bãi bỏ quy định về RNQP (Fig mosaic agent);  • Xóa vùng bảo vệ đối với bệnh *Gonipterus scutellatus Gyllenhal*;  • Bổ sung các yêu cầu nhập khẩu và di chuyển nội bộ mới;  • Xóa bỏ các yêu cầu di chuyển nhập khẩu hiện có;  • Sửa đổi các yêu cầu nhập khẩu và di chuyển nội bộ;  • Bổ sung/sửa đổi mã CN. |
| 41 | G/SPS/N/UKR/221 | ATTP | Ucraina | 01/5/2024 | Lệnh của Bộ Y tế Ucraina số 460 "Về việc phê duyệt các yêu cầu cụ thể và quy tắc chi tiết về việc đưa các đồ dùng nhà bếp bằng nhựa làm từ polyamide và melamine ra thị trường" | Lệnh quy định việc phê duyệt các yêu cầu cụ thể và quy tắc chi tiết để đưa đồ dùng nhà bếp bằng nhựa polyamit và melamine ra thị trường.  Lệnh quy định các sản phẩm làm từ vật liệu nhựa, các vật dụng tiếp xúc với thực phẩm được sản xuất trước khi Lệnh này có hiệu lực vẫn có thể được đưa ra thị trường cho đến khi hết hạn sử dụng. |
| 42 | G/SPS/N/EU/758 | CN, TY, TS | Liên minh châu Âu | 01/5/2024 | Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2024/1179 ngày 23 tháng 4 năm 2024 liên quan đến việc gia hạn cấp phép các chế phẩm *Lactiplantibacillus plantarum* DSM 3676, *Lactiplantibacillus plantarum* DSM 3677 và *Lentilactobacillus buchneri* DSM 13573 làm phụ gia thức ăn cho các loài động vật và bãi bỏ Quy định thực hiện (EU) Số 1119/2012 | Quy định của Ủy ban (EU) 2024/1179 ngày 23/4/2024 liên quan đến việc gia hạn cấp phép các chế phẩm *Lactiplantibacillus plantarum* DSM 3676, *Lactiplantibacillus plantarum* DSM 3677 và *Lentilactobacillus buchneri* DSM 13573 làm phụ gia thức ăn cho các loài động vật và bãi bỏ Quy định (EU) số 1119/2012  Các chế phẩm được quy định trong Quy định này ban đầu được cấp phép trong thời hạn 10 năm dưới dạng phụ gia thức ăn cho các loài động vật thuộc danh mục "phụ gia công nghệ" và trong nhóm chức năng "phụ gia thức ăn ủ chua". Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu đã có đánh giá thuận lợi, việc cấp phép cho các chế phẩm này được gia hạn và phải tuân theo một số điều kiện. |
| 43 | G/SPS/N/AUS/588 | BVTV | Úc | 30/4/2024 | Dự thảo Báo cáo yêu cầu an toàn sinh học đối với nhập khẩu quả bưởi từ Việt Nam | Bộ Nông nghiệp, Thuỷ sản và Lâm nghiệp Úc thông báo kết quả “Phân tích rủi ro nhập khẩu bưởi tươi từ Việt Nam ”. Việc nhập khẩu quả bưởi tươi được sản xuất từ Việt Nam có thể được phép nhập khẩu vào thị trường Úc nếu sản phẩm đáp ứng các điều kiện an toàn sinh học, cụ thể như sau:  1) Trái bưởi tươi của Việt Nam phải đáp ứng yêu cầu các biện pháp quản lý rủi ro an toàn sinh học đối với **19** loài sinh vật gây hại, bao gồm: (1) *Diaphorina citri*, (2) *Brevipalpus phoenicis,* (3) *Bactrocera carambolae*, (4) *Bactrocera correcta*, (5) *Bactrocera dorsalis*, (6) *Bactrocera zonata*, (7) *Zeugodacus cucurbitae*, (8) *Zeugodacus tau*, (9) *Exallomochlus hispidus*, (10) *Planococcus lilacinu*), (11) *Rastrococcus* *pentagon*), (12) *Parlatoria cinere*), (13) *Parlatoria ziziph*), (14) *Pseudaulacaspis pentagon*), (15) *Panonychus citr*), (16) *Tetranychus kanzawa*), (17) *Scirtothrips dorsali*), (18) *Thrips tabaci*; (19) *Xanthomonas citri subsp. citri*.  2) Các biện pháp nhằm giảm nguy cơ các loài sâu bệnh gây hại, cụ thể:  - Đối với các loài rầy: vùng trồng, cơ sở đóng gói hoặc địa điểm sản xuất phải không nhiễm dịch hại; phải có phương pháp tiếp cận hệ thống có hiệu quả trong việc giảm thiểu rủi ro do loài rầy này gây ra trên quả bưởi và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; có biện pháp xử lý quả bưởi tươi để chống rầy, khử trùng bằng methyl bromide;  - Đối với các loài ruồi: vùng trồng, cơ sở đóng gói hoặc địa điểm sản xuất phải không nhiễm dịch hại; có biện pháp xử lý quả bưởi tươi để chống ruồi đục quả như chiếu xạ;  - Đối với các loài ve nhện, rệp sáp giả, rệp vảy, nhện đỏ và bọ trĩ: yêu cầu kiểm tra trực quan trước khi xuất khẩu và nếu phát hiện phải có biện pháp khắc phục;  - Đối với bệnh ghẻ trên cây có múi: phải có phương pháp tiếp cận hệ thống có hiệu quả trong việc giảm thiểu nguy cơ mầm bệnh gây ra trên quả bưởi và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt. |
| 44 | G/SPS/N/USA/3450 | ATTP, BVTV | Hòa Kỳ | 29/4/2024 | Dự thảo sửa đổi mức tồn dư cyclaniliprole trong một số loại hàng hóa nông sản | Dự thảo sửa đổi thiết lập mức dung sai đối với dư lượng hoạt chất cyclaniliprole trong hoặc trên rau, bầu bí và nhóm 9 ở mức 0,3 ppm.  *\* Tại Việt Nam, hoạt chất* cyclaniliprole *được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 01 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).* |
| 45 | G/SPS/N/BRA/2300 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 29/4/2024 | Dự thảo Nghị quyết 1248, ngày 25/4/2024 | Dự thảo nghị quyết đề xuất đưa hoạt chất A72- Nonanoic Acid vào Danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn Quy phạm 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin |
| 46 | G/SPS/N/BRA/2299 | TY | Bra-xin | 29/4/2024 | Yêu cầu chung về vệ sinh thú y (RIG) khi nhập cảnh vào Cộng hòa Liên bang Bra-xin đối với động vật lưỡng cư (Động vật sống) vì mục đích triển lãm/giáo dục. | Tài liệu thiết lập các yêu cầu vệ sinh thú y đối với việc nhập khẩu vào Bra-xin các động vật thuộc lớp lưỡng cư, áp dụng cho động vật thủy sản sống cho mục đích triển lãm hoặc giáo dục. |
| 47 | G/SPS/N/CRI/266 | BVTV | Costa Rica | 25/4/2024 | Dự thảo Nghị quyết thiết lập các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu thực vật để trồng và thực vật thử nghiệm in vitro thuộc họ chuối (*Musa* sp.) có nguồn gốc từ bất kỳ quốc gia nào và các biện pháp kiểm dịch thực vật để giảm thiểu nguy cơ *Fusarium oxysporum* f. sp. *cubense* Chủng Foc **4** nhiệt đới(Foc TR4) | Nghị quyết được thông báo nhằm mục đích:  • Thiết lập các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu thực vật thuộc họ chuối (Musaceae) để trồng từ bất kỳ quốc gia nào.  • Thiết lập các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu các lô hàng giá thể trồng trọt, không chứa đất, có nguồn gốc từ các quốc gia có Chủng Foc **4** nhiệt đới(Foc TR4).  • Thiết lập các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu giá thể đi kèm với cây trồng để trồng, không chứa đất, có nguồn gốc từ các quốc gia có Foc TR4.  • Thiết lập các biện pháp kiểm dịch thực vật để giảm thiểu rủi ro cho những người đã đến thăm trang trại trồng chuối ở nước ngoài mang theo *Fusarium oxysporum* f. sp. *cubense* (Foc TR4) trong giày dép, quần áo hoặc dụng cụ làm việc.  • Thiết lập các biện pháp kiểm dịch thực vật tạm thời đối với các thùng chứa và phương tiện vận chuyển chở quả chuối, chủ thể của Foc TR4 từ các quốc gia có hiện diện của *Fusarium oxysporum* f. sp. *cubense*.  • Thiết lập các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống thực vật, chẳng hạn như thử nghiệm in vitro, thuộc họ chuối đối với các quốc gia không có hiện diện của *Fusarium oxysporum* f. sp. *cubense* Foc TR4, virus khảm lá chuối (BBrMV) và Bệnh chùn đọt chuối (BBTV).  • Thiết lập các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống thực vật, chẳng hạn như thử nghiệm in vitro, thuộc họ chuối đối với các quốc gia nơi có hiện diện riêng lẻ hoặc cả hai đối với *Fusarium oxysporum* f. sp. *cubense* (Foc TR4) và virus khảm lá chuối (BBrMV).  • Thiết lập các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu thử nghiệm in vitro thuộc họ chuối đối với các quốc gia có hiện diện của Bệnh chùn đọt chuối (BBTV).  Các biện pháp khác được nêu chi tiết tại dự thảo Nghị quyết kèm theo thông báo. |
| 48 | G/SPS/N/UKR/220 | BVTV | Ucraina | 24/4/2024 | Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina "Về việc phê duyệt thủ tục đăng ký các hoạt động kinh doanh đối với sản xuất và lưu thông vật liệu đóng gói bằng gỗ liên quan đến các biện pháp kiểm dịch thực" | Dự thảo quy định các biện pháp kiểm dịch thực vật liên quan đến vật liệu đóng gói bằng gỗ nhằm mục đích đưa luật pháp Ucraina phù hợp với tiêu chuẩn ISPM 15.  Các biện pháp kiểm dịch thực vật liên quan đến vật liệu đóng gói bằng gỗ bao gồm các quy tắc đối với việc sản xuất và ghi nhãn, nhập khẩu, vận chuyển qua lãnh thổ Ucraina và xuất khẩu vật liệu đóng gói bằng gỗ.  Lệnh số 2005 số 731 ngày 22/12/2005, quy định kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu, di chuyển qua lãnh thổ, xuất khẩu và sản xuất vật liệu đóng gói bằng gỗ sẽ không còn hiệu lực. |
| 49 | G/SPS/N/EU/757 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 24/4/2024 | Quy định của Ủy ban (EU) 2024/1104 ngày 17/4/2024 liên quan đến việc cấp phép chế phẩm *Lactiplantibacillus plantarum* DSM 11520 làm phụ gia thức ăn cho ngựa, chó, mèo và thỏ | Quy định của Ủy ban (EU) 2024/1104 ngày 17/4/2024 liên quan đến việc cấp phép chế phẩm *Lactiplantibacillus plantarum* DSM 11520 làm phụ gia thức ăn cho ngựa, chó, mèo và thỏ. Quy định cho phép *Lactiplantibacillus plantarum* DSM 11520 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi trong danh mục 'phụ gia công nghệ' và trong nhóm chức năng 'điều chỉnh độ axit' và phải tuân theo một số điều kiện. |
| 50 | G/SPS/N/EU/756 | CN, TY, TS | Liên minh châu Âu | 24/4/2024 | Quy định của Ủy ban (EU) 2024/1199 ngày 18/4/2024 liên quan đến việc cấp phép phức hợp mangan(II) – betaine làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Quy định của Ủy ban (EU) 2024/1199 ngày 18/4/2024 liên quan đến việc cấp phép phức hợp mangan(II) – betaine làm phụ gia thức ăn cho các loài động vật.  Quy định cho phép phức hợp mangan(II) – betaine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi trong danh mục 'phụ gia dinh dưỡng' và trong nhóm chức năng 'hợp chất của các nguyên tố vi lượng' và phải tuân theo một số điều kiện. |
| 51 | G/SPS/N/EU/755 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 24/4/2024 | Quy định của Ủy ban (EU) 2024/1070 ngày 12/4/2024 liên quan đến việc gia hạn cấp phép chế phẩm 25-hydroxycholecalciferol được sản xuất bởi *Saccharomyces cerevisiae* CBS 146008 để vỗ béo gà, gà tây, gia cầm và lợn và chuẩn bị cấp phép cho cho động vật nhai lại. Bãi bỏ Quy định (EC) số 887/2009. | Quy định của Ủy ban (EU) 2024/1070 ngày 12/4/2024 liên quan đến việc gia hạn cấp phép chế phẩm 25-hydroxycholecalciferol được sản xuất bởi *Saccharomyces cerevisiae* CBS 146008 để vỗ béo gà, gà tây, gia cầm và lợn và chuẩn bị cấp phép cho cho động vật nhai lại. Bãi bỏ Quy định (EC) số 887/2009.  Các chế phẩm đã được cấp phép trong thời hạn 10 năm dưới dạng phụ gia thức ăn để vỗ béo gà, gà tây, các loại gia cầm và lợn trong danh mục 'phụ gia dinh dưỡng' và trong nhóm chức năng 'vitamin, tiền vitamin và các chất được xác định rõ ràng về mặt hóa học có tác dụng tương tự'. Đơn đăng ký đã được nộp để xin gia hạn và một đơn khác xin cấp phép sử dụng mới cho động vật nhai lại. Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu đã có đánh giá thuận lợi, việc cấp phép cho các chế phẩm này sẽ được gia hạn với một số điều kiện. |
| 52 | G/SPS/N/GBR/58 | ATTP, BVTV | Vương quốc Anh | 23/4/2024 | Mức giới hạn dư lượng tối đa GB mới cho CCPR 54 (2023) sửa đổi đăng ký theo Luật GB MRL | Tại phiên họp thứ 46 của Ủy ban Codex (Codex Alimentarius), biện pháp Codex MRL (CXL) xác nhận là tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế mới. CXL được áp dụng cho các hoạt chất afidopyropen, azoxystrobin, bifenthrin, broflanilide, chlorantraniliprole, chlormequat, fluazaindolizine, fludioxonil, fluindapyr, flupyradifurone (và axit difluoroacetic (DFA)), mandipropamid, metalaxyl, quinclorac, spiromesifen, sulfoxaflor và tetraniliprole được quy định cho nhiều loại mặt hàng và Vương quốc Anh đánh giá là đáp ứng mức độ bảo vệ phù hợp.  Mức dư lượng phát sinh trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi được xác định không có hại đến sức khỏe con người, cụ thể:   * Các hoạt chất: Broflanilide, fluazaindolizine, fluindapyr, tetraniliprole đượ đăng ký mới (thiết lập mức MRL mới), dự thảo sửa đổi này thiết lập mức dư lượng MRL cụ thể thay đổi cho mức mặc định là 0,01 ppm đối với nhiều sản phẩm (chi tiết tại thông báo G/SPS/N/GBR/58) * Dự thảo MRL mới đối với afidopyropen, azoxystrobin, bifenthrin, chlorantraniliprole, chlormequat, fludioxonil, flupyradifurone (và axit difluoroacetic (DFA)), mandipropamid, metalaxyl, quinclorac, spiromesifen và sulfoxaflor về cơ bản được điều chỉnh tăng ở mức từ 0,15-4 ppm. * Chi tiết tham khảo tại:   <https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/GBR/24_02752_00_e.pdf> |
| 53 | G/SPS/N/AUS/561 /Add.1 | ATTP, CT, TY | Úc | 22/4/2024 | Rà soát rủi ro nhập khẩu sản phẩm sữa phục vụ tiêu dùng của con người; Dự thảo báo cáo lần 2 | Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp Chính phủ Úc đã công bố đánh giá rủi ro nhập khẩu đối với các sản phẩm sữa dành cho người tiêu dùng.  Báo cáo đánh giá rủi ro này đã được thông báo tới các Thành viên WTO ngày 9/2/2023 (G/SPS/N/AUS/561) và được công bố trên trang web của Bộ ngày 31/1/2023 trong thời gian tham vấn các bên liên quan kéo dài 60 ngày kết thúc vào ngày 14/4/2023. Việc đánh giá nhằm mục đích hiện đại hóa các điều kiện nhập khẩu sữa của Úc để đáp ứng môi trường thương mại hiện tại và tương lai. Việc đánh giá xem xét các rủi ro an toàn sinh học liên quan đến việc nhập khẩu (từ bất kỳ quốc gia nào) các sản phẩm sữa cho người tiêu dùng được sản xuất ​​sữa lấy từ gia súc, trâu, cừu và dê.  Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp đã nhận được một số ý kiến ​​đóng góp về dự thảo báo cáo đầu tiên về việc đánh giá rủi ro nhập khẩu đối với các sản phẩm sữa dành cho người tiêu dùng. Khi xem xét những góp ý này và nghiên cứu mới hiện có, Bộ đã thực hiện những thay đổi trong quá trình đánh giá và đang phát hành báo cáo dự thảo thứ hai để lấy ý kiến.  Báo cáo dự thảo thứ hai đề xuất các phương án quản lý rủi ro mở rộng cho các quốc gia không được công nhận là không có bệnh lở mồm long móng và/hoặc bệnh đậu ở cừu và dê. |

**2. Danh sách quy định có hiệu lực**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/ khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Nội dung thông báo** |
| 1 | G/SPS/N/UKR/219/Add.1 | BVTV, CT | Ucraina | 16/5/2024 | Dự thảo "Sửa đổi một số luật về việc lưu hành các giống bông ở Ucraina" | Ukraina thông báo việc thông qua Luật số 3645 "Sửa đổi một số luật về việc lưu thông các giống bông ở Ukraina".  Luật có hiệu lực vào ngày 16 tháng 5 năm 2024. |
| 2 | G/SPS/N/TUR/79 /Rev.1 | ATTP, BVTV, CLCB, CT, TY | Thổ Nhĩ Kỳ | 16/5/2024 | Thông cáo Codex Thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ số: 2024/10 về các phương pháp lấy mẫu và phân tích để kiểm soát mức nguyên tố vi lượng và các chất gây ô nhiễm trong chế biến thực phẩm | Thông cáo nhằm thiết lập các tiêu chí về phương pháp lấy mẫu và phân tích để kiểm soát các nguyên tố vi lượng và các chất gây ô nhiễm trong quá trình chế biến trong thực phẩm, đồng thời phải tuân thủ thiết lập các tiêu chí thực hiện mà phương pháp phân tích được sử dụng để kiểm soát.  Thông cáo số: 2017/7, 29989 đăng trên Công báo ngày 24 tháng 2 năm 2017 đã bị thu hồi và thay bởi Thông cáo này. |
| 3 | G/SPS/N/USA/2156/Add.12 | BVTV, CLCB, CT, TY | Hòa Kỳ | 14/5/2024 | Tiêu chuẩn liên quan đến nước nông nghiệp trong trồng trọt, thu hoạch, đóng gói và bảo quản sản phẩm cho người tiêu dùng; Quy tắc cuối cùng | Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ ban hành quy tắc cuối cùng, sửa đổi các điều khoản quy định an toàn các sản phẩm liên quan đến nước sử dụng trong nông nghiệp. Quy tắc này thay thế các tiêu chí về vi sinh vật và các yêu cầu thử nghiệm cho các sản phẩm ở trạng thái chưa qua chế biến và thường được tiêu thụ ở dạng tươi/sống ‘covered produce’(trừ rau mầm).  Quy tắc này yêu cầu đánh giá dựa trên hệ thống với các điều kiện kiểm tra bắt buộc, tập trung vào các yếu tố rủi ro chính gây ô nhiễm, giúp cho các trang trại thực hiện các biện pháp phòng ngừa hiệu quả.  Quy tắc này yêu cầu các trang trại phải hành động kịp thời dựa trên rủi ro và yêu cầu mới đảm bảo nhanh chóng giảm thiểu các mối nguy, các yêu cầu thích ứng với những tiến bộ khoa học.  Quy tắc này có hiệu lực từ ngày 5/7/2024. |
| 4 | G/SPS/N/GBR/39/Add.2 | BVTV | Vương quốc Anh | 14/5/2024 | Chi tiết về các sửa đổi đối với luật giữ nguyên của Anh, Scotland và xứ Wales (Vương quốc Anh) (Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/2072) | Dự thảo trong thông báo G/SPS/N/GBR/39 ngày 27/7/2023 đề xuất cập nhật các biện pháp kiểm soát dịch hại. Sau khi xem xét phát hiện *Pinus parviflora* Sieb. & Zucc. (*Pinus pentaphylla* Mayr) đã bị bỏ sót do nhầm lẫn trong Phụ lục 6, phần A, điểm 1 của luật đồng hóa các Quy định về Điều kiện Kiểm dịch Thực vật (2019/2072), trong đó đề cập đến các loài cây bonsai có thể được nhập khẩu vào Vương quốc Anh từ Nhật Bản. Thay đổi này sẽ có hiệu lực vào ngày 31/5/2024. Quy định này hiện đã được công bố và có thể xem tại (legislation.gov.uk). |
| 5 | G/SPS/N/BRA/2246 /Add.1 | BVTV | Bra-xin | 08/5/2024 | Dự thảo Nghị quyết 1230, ngày 01/2/2024. | Nghị quyết đề xuất đưa hoạt chất C89 - cinmethhylin vào Danh sách chuyên khảo các hoạt chất về thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ đã được ban hành bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin. |
| 6 | G/SPS/N/BRA/2247 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 06/5/2024 | Dự thảo Nghị quyết 1231, ngày 01/02/2024 | Nghị quyết đề xuất loại trừ hoạt chất S07 - sulfluramide trong Danh sách chuyên khảo các hoạt chất về thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ đã được ban hành bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin. |
| 7 | G/SPS/N/BRA/2198 /Add.1 | BVTV | Bra-xin | 06/5/2024 | Dự thảo Nghị quyết 1178, ngày 10/7/2023 | Dự thảo Nghị quyết cập nhật các hoạt chất F69 - flupiradifurone và T42 – transflutrina vào Danh sách Chuyên khảo về hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ đã được ban hành theo Hướng dẫn quy chuẩn 103, ngày 19/10/2021, trên Công báo Bra-xin. |
| 8 | G/SPS/N/USA/3381 /Add.3 | ATTP, CLCB, CN, TY | Hòa Kỳ | 03/5/2024 | Đề xuất và yêu cầu góp ý: Quy định Salmonella trong các sản phẩm không ăn liền thịt gà tẩm bột | Cơ quan Thanh tra và An toàn Thực phẩm của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (FSIS) công bố quyết định cuối cùng đối với các sản phẩm thịt gà tẩm bột không ăn liền (NRTE) có chứa *Salmonella* ở mức 1 đơn vị hình thành khuẩn lạc trên mỗi gram (sau đây gọi là "1 CFU/g") hoặc cao hơn bị tạp nhiễm theo nghĩa của Đạo luật Kiểm tra sản phẩm gia cầm (PPIA). FSIS cũng thông báo dự định thực hiện các quy trình xác minh, bao gồm lấy mẫu và xét nghiệm các thành phần thịt gà sống được sử dụng để sản xuất các sản phẩm thịt gà NRTE trước khi tẩm bột.  Quy tắc cuối cùng được công bố ngày 01/5/2024, sẽ có hiệu lực ngày 01/5/2025. |
| 9 | G/SPS/N/NZL/750 /Add.1 | ATTP, BVTV, CLCB, CT, CN, TY | Niu Di-lân | 03/5/2024 | Yêu cầu đăng ký đối với nhập khẩu thực phẩm và nhập khẩu thực phẩm để bán | Dự thảo trong thông báo G/SPS/N/NZL/750 (ngày 3/11/2023) về yêu cầu nhập khẩu đối với quả mọng đông lạnh ăn liền đã được thông qua và ban hành vào ngày 17 tháng 4 năm 2024.  Quy định này sẽ có hiệu lực từ ngày 1/8/2024. |
| 10 | G/SPS/N/EU/684 /Add.1 | TY, CN | Liên minh châu Âu | 02/5/2024 | Cụ thể mức độ ô nhiễm chéo tối đa của các hoạt chất kháng khuẩn không phải mục tiêu trong thức ăn chăn nuôi và phương pháp phân tích các chất này trong thức ăn | Đề xuất thông báo trong G/SPS/N/EU/684 (ngày 06/10/2023) đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2024/1229 ngày 20/02/2024 bổ sung Quy định (EU) 2019/4 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu: Thiết lập mức độ lây nhiễm chéo của các hoạt chất kháng khuẩn và các phương pháp phân tích trong thức ăn chăn nuôi.  Quy định sẽ được áp dụng từ ngày 20/5/2025. |
| 11 | G/SPS/N/EU/716 /Add.1 | TY, CN | Liên minh châu Âu | 01/5/2024 | Rút lui khỏi thị trường tecpen hoa hồi từ *Illicium verum* Hook.f. như một chất phụ gia cho thức ăn chăn nuôi | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/716 (ngày 06/02/2024) được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2024/1201 ngày 26/4/2024 về việc rút khỏi thị trường tecpen hoa hồi từ *Illicium verum* Hook.f. như một chất phụ gia cho thức ăn chăn nuôi.  Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau ngày được công bố trên Tạp chí chính thức của Liên minh Châu Âu. |
| 12 | G/SPS/N/EU/700 /Add.1 | TY, CN | Liên minh châu Âu | 01/5/2024 | Cho phép sử dụng tinh dầu quế (cassia essential oi) từ *Cinnamomum Aromasum* Nees làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/700 (ngày 12/12/2023) đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2024/1195 ngày 24/4/2024 liên quan đến việc cấp phép sử dụng tinh dầu quế (cassia essential oi) từ *Cinnamomum aromaum* Nees làm phụ gia thức ăn chăn nuôi đối với một số loài động vật.  Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau ngày được công bố trên Tạp chí chính thức của Liên minh Châu Âu. |
| 13 | G/SPS/N/EU/699 /Add.1 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 30/4/2024 | Cho phép sử dụng tinh dầu vỏ quế và tinh dầu lá quế từ *Cinnamomum verum J*. Presl làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/699 (ngày 12/12/2023) đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2024/1186 ngày 24/4/2024 liên quan đến việc cấp phép sử dụng tinh dầu vỏ quế và tinh dầu lá quế từ *Cinnamomum verum J*. Presl làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật.  Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau ngày được công bố trên Tạp chí chính thức của Liên minh Châu Âu. |
| 14 | G/SPS/N/EU/747 /Add.1 | ATTP, CT | Liên minh châu Âu | 29/4/2024 | Định nghĩa 'vật liệu công nghệ nano' | Quy định (EU) 2015/2283 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về thực phẩm mới đề xuất liên quan đến định nghĩa về 'vật liệu công nghệ nano' được thông báo trong G/SPS/N/EU/747 (4/4/2024) được thu hồi. |
| 15 | G/SPS/N/UKR/211 /Add.1 | ATTP, BVTV, CLCB, TY, CT | Ucraina | 24/4/2024 | Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina "Về việc phê duyệt thủ tục đăng ký, duy trì sổ đăng ký nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm" | Ngày 15/02/2024 Ucraina thông báo việc thông qua Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina số 431 " Về việc phê duyệt thủ tục đăng ký, duy trì sổ đăng ký nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm".  Lệnh đã được đăng ký tại Bộ Tư pháp Ucraina vào ngày 4/4/2024 và được công bố vào ngày 16/4/2024. |
| 16 | G/SPS/N/GBR/30 /Add.5 | ATTP, BVTV, CLCB, TY, CT | Vương quốc Anh | 24/4/2024 | Mô hình hoạt động mục tiêu biên giới Vương quốc Anh (BTOM) – Thực hiện tháng 4 | Tháng 8/2023, Vương quốc Anh đã thông báo cho Ủy ban SPS của WTO về công bố phiên bản cuối cùng của Mô hình hoạt động mục tiêu biên giới (BTOM) [G/SPS/N/GBR/30/Add.2] trong đó nêu rõ quy định SPS mới. Các biện pháp trong BTOM áp dụng đối với việc nhập khẩu động vật sống, sản phẩm mầm, sản phẩm động vật, thực vật và sản phẩm thực vật cũng như thực phẩm có nguy cơ cao không có nguồn gốc từ động vật vào Vương quốc Anh và đặt ra mốc thời gian thực hiện từ tháng 01/2024.  Như đã nêu trong BTOM, Vương quốc Anh sẽ triển khai luật trong hai Văn kiện pháp lý (SI) để thực hiện giai đoạn thứ hai của BTOM từ ngày 30/4/2024, như sau:  + Kiểm tra tài liệu, kiểm tra tại chỗ và danh tính đang được áp dụng đối với các sản phẩm động vật có mức độ rủi ro trung bình và cao được nhập khẩu vào Vương quốc Anh từ các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu (EU) và Hiệp định Thương mại Tự do Châu Âu (EFTA) (không bao gồm những hàng hóa được nhập khẩu từ Ireland). Tần suất kiểm tra đối với các sản phẩm động vật sẽ phù hợp với mô hình phân loại rủi ro.  + Đối với thực vật và sản phẩm thực vật, việc kiểm tra thực tế và nhận dạng hàng hóa từ Liên minh Châu Âu, Thụy Sĩ và Liechtenstein sẽ được chuyển đến Trạm kiểm soát biên giới (BCP) và Điểm kiểm soát (CP). Thực vật và sản phẩm thực vật có mức độ rủi ro trung bình và cao từ Liên minh Châu Âu phải qua điểm đầu vào có BCP liên quan. Việc kiểm tra thực vật/sản phẩm thực vật có nguy cơ cao từ Liên minh châu Âu sẽ chuyển từ điểm đến (PoD) sang BCP và CP.  Việc đơn giản hóa một số yêu cầu nhập khẩu từ các nước ngoài EU sẽ được áp dụng, bao gồm loại bỏ việc kiểm tra thường xuyên đối với các sản phẩm động vật, thực vật, thực vật có nguy cơ thấp từ các nước EU và ngoài EU; giảm mức độ kiểm tra thực tế và nhận dạng đối với các sản phẩm động vật có nguy cơ trung bình từ các nước ngoài EU; loại bỏ điều kiện cấp đông sâu mặc định đối với các chế phẩm thịt, cho phép quản lý bằng chứng nhận sức khỏe từ ngày 30/4/2024.  Trong khoảng thời gian ba tháng kể từ ngày 30/4/2024, việc nới lỏng tạm thời sẽ cho phép đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của kiểm tra tài liệu khi bản sao chụp của Giấy chứng nhận sức khỏe xuất khẩu (EHC) hoặc Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật (PC) gốc được cung cấp trong hồ sơ của nhà nhập khẩu nhưng phải được thông báo trước. Trong trường hợp cung cấp bản sao chụp, bản gốc EHC hoặc PC phải được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền trong vòng năm hoặc ba ngày làm việc kể từ khi lô hàng đến. Việc nới lỏng tạm thời sẽ chỉ áp dụng cho EHC đối với các sản phẩm động vật và phụ phẩm từ Liên minh Châu Âu – cũng như cho PC dành cho thực vật và sản phẩm thực vật từ Liên minh Châu Âu, Liechtenstein và Thụy Sĩ. Lưu ý đến tính chất hạn chế về thời gian giới hạn của việc nới lỏng, các nhà nhập khẩu nên tiếp tục áp dụng chứng nhận số hóa hoàn toàn càng sớm càng tốt để giảm yêu cầu phải kiểm tra tài liệu trực tiếp tại biên giới sau thời hạn nới lỏng.  Phần A của Phụ lục 11 liệt kê các hàng hóa thực vật có nguy cơ cao và trung bình gây ra mối đe dọa hiện hữu, cần có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và phải kiểm tra 100% khi nhập khẩu (trừ khi áp dụng mức kiểm tra giảm). Phần B của Phụ lục 11 liệt kê những hàng hóa có nguy cơ trung bình cần có giấy chứng nhận KDTV vì chúng gây ra mối đe dọa tiềm tàng nhưng hiện chưa có đủ bằng chứng để phân loại vào Phần A hoặc Phần C của Phụ lục 11. Phần C của Phụ lục 11 bao gồm danh sách các các sản phẩm thực vật có rủi ro thấp không thuộc diện kiểm soát sức khỏe thực vật, ví dụ: quả chuối, quả dứa. |
| 17 | G/SPS/N/BRA/2231 /Add.1 | BVTV | Bra-xin | 24/4/2024 | Sắc lệnh SDA/MAPA Số 1.084 ngày 17/4/2024 | Dự thảo “Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu thực vật *Tilandsia*” được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2231 ngày 30/11/2023, có hiệu lực từ ngày 17/4/2024. |
| 18 | G/SPS/N/BRA/2206 /Add.1 | TY | Bra-xin | 24/4/2024 | Sắc lệnh SDA/MAPA Số 1.082 ngày 17/4/2024 | Dự thảo Ban hành các quy tắc, tiêu chuẩn nhập khẩu, kiểm dịch chim cảnh, trứng chim cảnh ấp và công nhận cơ sở chim cảnh, trứng chim cảnh ấp. Đã được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2206 ngày 24/8/2023, có hiệu lực từ ngày 17/4/2024. |
| 19 | G/SPS/N/CAN/1457 /Add.1 | ATTP, CT | Canada | 22/4/2024 | Sửa đổi Danh sách các thành phần bổ sung được phép sử dụng chất dinh dưỡng phospholipid (đậu nành) | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn về chất dinh dưỡng phospholipid (hosphatidylserine) có nguồn gốc từ đậu nành.  Các kết quả đánh giá chứng minh tính an toàn của hosphatidylserine được làm từ cấp thực phẩm soy lecithin, với điều kiện là mức độ sử dụng không vượt quá lượng tiêu thụ 300 mg mỗi ngày, không vượt quá 300 mg mỗi khẩu phần và một số yêu cầu về thành phần và ghi nhãn nhất định được đáp ứng như được mô tả trong tài liệu thông tin được tham chiếu.  Việc sửa đổi trên có hiệu lực vào ngày 18/4/2024, ngày được công bố trong Danh sách các thành phần bổ sung được phép. |

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: [www.spsvietnam.gov.vn](http://www.spsvietnam.gov.vn) hoặc <https://docs.wto.org/>

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế, Vụ KHCN - Bộ CT); BVTV: Bảo vệ thực vật; CLCB: Chất lượng, chế biến; CN: Chăn nuôi; CT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương; TY: Thú y. Các đơn vị rà soát kỹ nội dung thông báo dự thảo liên quan đến lĩnh vực quản lý để góp ý và triển khai thực hiện.